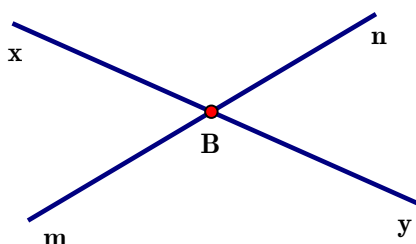


I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm, từ câu 1 đến câu 16)

Câu 1. Trong các khẳng định dưới đây. Khẳng định nào **sai**?

- A. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng tam giác là hình chữ nhật.
- B. Hai mặt đáy của hình lăng trụ đứng tam giác là hình tam giác.
- C. Hai mặt đáy của hình lăng trụ đứng tam giác song song với nhau.
- D. Hai mặt đáy của hình lăng trụ đứng tam giác là hình chữ nhật.

Câu 2. Cho hình vẽ dưới đây:



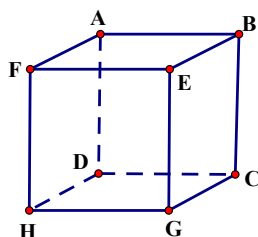
Khẳng định nào sau đây **sai**?

- A. $\widehat{xBn} + \widehat{nBy} = 90^\circ$.
- B. $\widehat{xBm} + \widehat{mBy} = 180^\circ$.
- C. $\widehat{xBn} = \widehat{yBm}$.
- D. $\widehat{xBm} = \widehat{yBn}$.

Câu 3. Viết số $\left(\frac{2}{5}\right)^3$ dưới dạng tích ta được kết quả là

- A. $\frac{2}{5 \cdot 3}$.
- B. $\frac{2}{5} \cdot \frac{2}{5} \cdot \frac{2}{5}$.
- C. $\frac{2 \cdot 2 \cdot 2}{5}$.
- D. $\frac{2}{5} \cdot 3$.

Câu 4. Cho hình hộp chữ nhật $ABEF.DCGH$ trong hình vẽ dưới đây.



Bốn đường chéo của hình hộp chữ nhật $ABEF.DCGH$ là

- A. FD, EH, AH, BD .
- B. FG, EC, HC, DG .
- C. FC, ED, AG, BH .
- D. FG, EH, AC, BG .

Câu 5. Số đối của $\frac{17}{2}$ là

- A. $\frac{-2}{17}$.
- B. 0.
- C. $\frac{-17}{2}$.
- D. $\frac{2}{17}$.

Câu 6. Tập hợp số hữu tỉ được kí hiệu là

A. $\mathbb{N}$.B. $\mathbb{N}^*$.C. $\mathbb{Z}$.D. $\mathbb{Q}$.

Câu 7. Số đối của số hữu tỉ x kí hiệu là

A. $\frac{1}{x}$.B. $\frac{-1}{x}$.C. $-x$.

D. 0.

Câu 8. Một hộp sữa có dạng hình hộp chữ nhật như hình vẽ bên dưới. Biết các kích thước của mặt đáy là 4 cm , 5 cm và chiều cao của hộp sữa là 12 cm .



Diện tích xung quanh của hộp sữa là

A. 216 cm^2 .B. 480 cm^2 .C. 240 cm^2 .D. 108 cm^2 .

Câu 9. Trong các khẳng định dưới đây. Khẳng định nào đúng?

A. $-5 \in \mathbb{N}$.B. $\frac{3}{7} \in \mathbb{Z}$.C. $0 \in \mathbb{N}^*$.D. $\frac{-1}{2} \in \mathbb{Q}$.

Câu 10. Trong các khẳng định dưới đây. Khẳng định nào **sai**?

A. Hình hộp chữ nhật có ba góc vuông tại mỗi đỉnh.

B. Hình lập phương có sáu đỉnh.

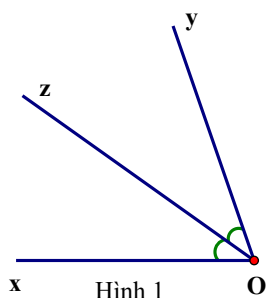
C. Hình lập phương có sáu mặt đều là hình vuông.

D. Hình hộp chữ nhật có bốn đường chéo.

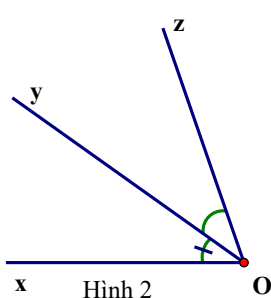
Câu 11. Số 0,49 được viết dưới dạng lũy thừa với số mũ lớn hơn 1 là

A. $(0,7)^2$ B. 7^2 .C. $(-7)^2$.D. $(0,7)^3$.

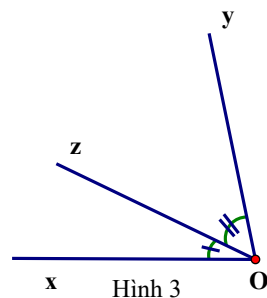
Câu 12. Trong các hình vẽ dưới đây, hình nào có Oz là tia phân giác của $\widehat{xOy}$?



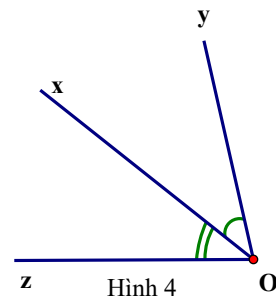
A. Hình 2.



B. Hình 1.

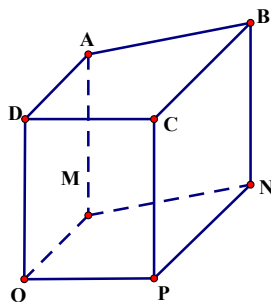


C. Hình 3



D. Hình 4.

Câu 13. Cho hình lăng trụ đứng tứ giác $ABCD.MNPQ$ dưới đây.



Khẳng định nào sau đây đúng?

A. $AD = BC = PN = MQ$.

B. $AM = BN = CP = DQ$.

C. $AB = BC = CD = AD$.

D. $AB = CD = MN = PQ$.

Câu 14. Trong các khẳng định dưới đây. Khẳng định nào **sai**?

A. $\frac{-11}{15} < 0$.

B. $\frac{2022}{2023} > \frac{6}{5}$.

C. $\frac{-7}{9} > \frac{-3}{2}$.

D. $\frac{-21}{5} < 0,5$.

Câu 15. Kết quả của số $\left(\frac{-9}{2}\right)^2$ là

A. $\frac{-81}{2}$.

B. $\frac{18}{4}$.

C. $\frac{81}{2}$.

D. $\frac{81}{4}$.

Câu 16. Trong các khẳng định dưới đây. Khẳng định nào **sai**?

A. $\left(\frac{5}{7}\right)^2 \cdot \left(\frac{5}{7}\right)^4 = \left(\frac{5}{7}\right)^6$.

B. $\left(\frac{4}{9}\right)^5 = \frac{4^5}{9^5}$.

C. $\left(\frac{-7}{3}\right)^{21} : \left(\frac{-7}{3}\right)^7 = \left(\frac{-7}{3}\right)^{14}$.

D. $\left(\left(\frac{11}{12}\right)^6\right)^2 = \left(\frac{11}{12}\right)^8$.

II. TỰ LUẬN: (6 điểm, từ câu 17 đến câu 21)

Câu 17. (1,75 điểm) Tính hợp lí (nếu có thể).

a) $\frac{5}{11} + \frac{-2}{5} + \frac{21}{17} + \frac{6}{11} + \frac{-3}{5}$

b) $12,5 + \left[\left(\frac{-2}{3}\right)^2 - 12,5\right]$

c) $\frac{11}{18} \cdot \frac{2}{7} + \frac{11}{18} \cdot \frac{19}{7} - \frac{11}{18}$

Câu 18. (1,0 điểm)

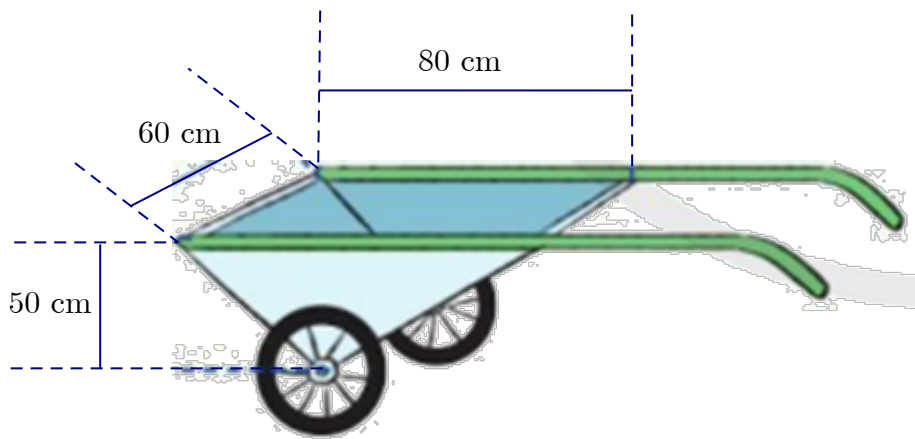
a) Tìm x , biết:

$$5x - \frac{2}{9} = \frac{16}{9}$$

b) Chủ cửa hàng bỏ ra 35 000 000 đồng mua một loại sản phẩm để bán. Chủ cửa hàng đã bán $\frac{6}{7}$ số sản phẩm mua về đó với giá bán mỗi sản phẩm cao hơn 10% so với giá mua vào và bán $\frac{1}{7}$ số sản phẩm còn lại với giá bán mỗi sản phẩm thấp hơn 25% so với giá mua vào. Tính số tiền chủ cửa hàng thu được sau khi bán hết số sản phẩm đó?

Câu 19. (2,0 điểm)

Hình bên dưới mô tả một xe chở hai bánh mà thùng chứa của nó có dạng hình lăng trụ đứng tam giác với các kích thước cho trên hình.



- a) Hãy tính thể tích thùng chứa của xe chở có hai bánh như hình minh họa trên.
- b) Để chống ngập nhà mỗi khi có nước lên, anh Nghị cần $60 m^3$ cát để nâng nền. Nếu anh Nghị dùng xe chở hai bánh có hình dạng và thể tích thùng chứa ở câu a) để vận chuyển cát, thì cần bao nhiêu chuyến để chở hết $60 m^3$ cát (biết rằng số cát trên mỗi chuyến là bằng mặt thùng xe để tránh thất thoát).

Câu 20. (1,25 điểm)

Cho đường thẳng xy cắt mn tại A .

- Kể tên các cặp góc đối đỉnh.
- Kể tên các cặp góc kề bù.
- Dùng dụng cụ học tập để vẽ tia phân giác At của góc $\widehat{xAn}$

-----**HẾT**-----

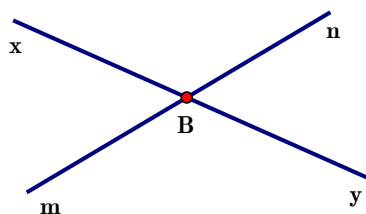
Ghi chú: Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên của thí sinh.....Số báo danh.....

Chữ ký của cán bộ coi thi 1..... Chữ ký của của cán bộ coi thi 2.....

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm, từ câu 1 đến câu 16)

Câu 1. Cho hình vẽ dưới đây:



Khẳng định nào sau đây **sai**?

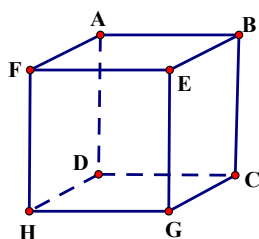
A. $\widehat{xBm} + \widehat{mBy} = 180^\circ$.

B. $\widehat{xBn} = \widehat{yBm}$.

C. $\widehat{xBm} = \widehat{yBn}$.

D. $\widehat{xBn} + \widehat{nBy} = 90^\circ$.

Câu 2. Cho hình hộp chữ nhật $ABEF.DCGH$ trong hình vẽ dưới đây.
Bốn đường chéo của hình hộp chữ nhật $ABEF.DCGH$ là



A. FG, EH, AC, BG .

B. FC, ED, AG, BH .

C. FG, EC, HC, DG .

D. FD, EH, AH, BD .

Câu 3. Trong các khẳng định dưới đây. Khẳng định nào **sai**?

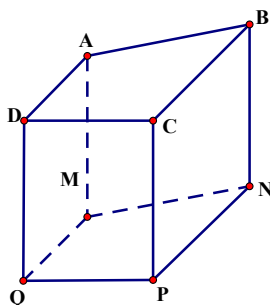
A. Các mặt bên của hình lăng trụ đứng tam giác là hình chữ nhật.

B. Hai mặt đáy của hình lăng trụ đứng tam giác là hình chữ nhật.

C. Hai mặt đáy của hình lăng trụ đứng tam giác song song với nhau.

D. Hai mặt đáy của hình lăng trụ đứng tam giác là hình tam giác.

Câu 4. Cho hình lăng trụ đứng tứ giác $ABCD.MNPQ$ dưới đây.



Khẳng định nào sau đây đúng?

A. $AB = CD = MN = PQ$.

B. $AD = BC = PN = MQ$.

C. $AM = BN = CP = DQ$.

D. $AB = BC = CD = AD$.

Câu 5. Viết số $\left(\frac{2}{5}\right)^3$ dưới dạng tích ta được kết quả là

- A. $\frac{2}{5} \cdot 3$. B. $\frac{2}{5} \cdot \frac{2}{5} \cdot \frac{2}{5}$. C. $\frac{2}{5 \cdot 3}$. D. $\frac{2 \cdot 2 \cdot 2}{5}$.

Câu 6. Trong các khẳng định dưới đây. Khẳng định nào **sai**?

- A. $\frac{-11}{15} < 0$. B. $\frac{2022}{2023} > \frac{6}{5}$. C. $\frac{-7}{9} > \frac{-3}{2}$. D. $\frac{-21}{5} < 0,5$.

Câu 7. Tập hợp số hữu tỉ được kí hiệu là

- A. $\mathbb{N}$. B. $\mathbb{N}^*$. C. $\mathbb{Z}$. D. $\mathbb{Q}$.

Câu 8. Trong các khẳng định dưới đây. Khẳng định nào **sai**?

- A. Hình lập phương có sáu đỉnh.
B. Hình lập phương có sáu mặt đều là hình vuông.
C. Hình hộp chữ nhật có ba góc vuông tại mỗi đỉnh.
D. Hình hộp chữ nhật có bốn đường chéo.

Câu 9. Kết quả của số $\left(\frac{-9}{2}\right)^2$ là

- A. $\frac{18}{4}$. B. $\frac{81}{2}$. C. $\frac{81}{4}$. D. $\frac{-81}{2}$.

Câu 10. Trong các khẳng định dưới đây. Khẳng định nào đúng?

- A. $\frac{-1}{2} \in \mathbb{Q}$. B. $-5 \in \mathbb{N}$. C. $0 \in \mathbb{N}^*$. D. $\frac{3}{7} \in \mathbb{Z}$.

Câu 11. Số đối của $\frac{17}{2}$ là

- A. $\frac{-17}{2}$. B. $\frac{-2}{17}$. C. 0. D. $\frac{2}{17}$.

Câu 12. Số đối của số hữu tỉ x kí hiệu là

- A. $\frac{1}{x}$. B. $\frac{-1}{x}$. C. 0. D. $-x$.

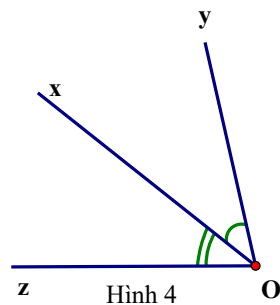
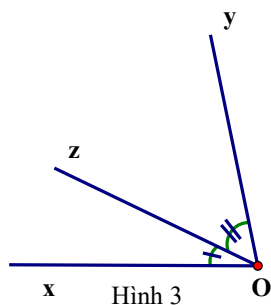
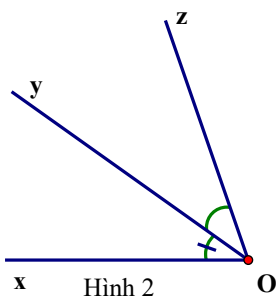
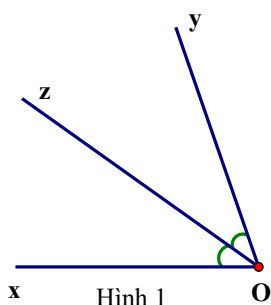
Câu 13. Một hộp sữa có dạng hình hộp chữ nhật như hình vẽ bên dưới. Biết các kích thước của mặt đáy là 4 cm , 5 cm và chiều cao của hộp sữa là 12 cm .



Diện tích xung quanh của hộp sữa là

- A. 480 cm^2 . B. 108 cm^2 . C. 240 cm^2 . D. 216 cm^2 .

Câu 14. Trong các hình vẽ dưới đây, hình nào có Oz là tia phân giác của $\widehat{xOy}$?



A. Hình 4.

B. Hình 2.

C. Hình 1.

D. Hình 3

Câu 15. Số 0,49 được viết dưới dạng lũy thừa với số mũ lớn hơn 1 là

A. 7^2 .

B. $(0,7)^2$

C. $(0,7)^3$.

D. $(-7)^2$.

Câu 16. Trong các khẳng định dưới đây. Khẳng định nào **sai**?

A. $\left(\frac{-7}{3}\right)^{21} : \left(\frac{-7}{3}\right)^7 = \left(\frac{-7}{3}\right)^{14}$.

B. $\left(\frac{4}{9}\right)^5 = \frac{4^5}{9^5}$.

C. $\left(\left(\frac{11}{12}\right)^6\right)^2 = \left(\frac{11}{12}\right)^8$.

D. $\left(\frac{5}{7}\right)^2 \cdot \left(\frac{5}{7}\right)^4 = \left(\frac{5}{7}\right)^6$.

II. TỰ LUẬN: (6 điểm, từ câu 17 đến câu 21)

Câu 17. (1,75 điểm) Tính hợp lí (nếu có thể).

a) $\frac{5}{11} + \frac{-2}{5} + \frac{21}{17} + \frac{6}{11} + \frac{-3}{5}$

b) $12,5 + \left[\left(\frac{-2}{3} \right)^2 - 12,5 \right]$

c) $\frac{11}{18} \cdot \frac{2}{7} + \frac{11}{18} \cdot \frac{19}{7} - \frac{11}{18}$

Câu 18. (1,0 điểm)

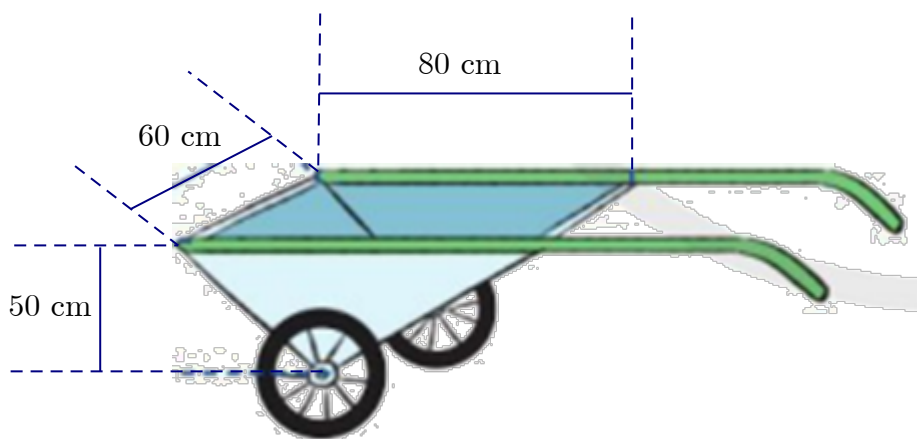
a) Tìm x , biết:

$$5x - \frac{2}{9} = \frac{16}{9}$$

b) Chủ cửa hàng bỏ ra 35 000 000 đồng mua một loại sản phẩm để bán. Chủ cửa hàng đã bán $\frac{6}{7}$ số sản phẩm mua về đó với giá bán mỗi sản phẩm cao hơn 10% so với giá mua vào và bán $\frac{1}{7}$ số sản phẩm còn lại với giá bán mỗi sản phẩm thấp hơn 25% so với giá mua vào. Tính số tiền chủ cửa hàng thu được sau khi bán hết số sản phẩm đó?

Câu 19. (2,0 điểm)

Hình bên dưới mô tả một xe chở hai bánh mà thùng chứa của nó có dạng hình lăng trụ đứng tam giác với các kích thước cho trên hình.



- a) Hãy tính thể tích thùng chứa của xe chở có hai bánh như hình minh họa trên.
- b) Để chống ngập nhà mỗi khi có nước lên, anh Nghị cần $60 m^3$ cát để nâng nền. Nếu anh Nghị dùng xe chở hai bánh có hình dạng và thể tích thùng chứa ở câu a) để vận chuyển cát, thì cần bao nhiêu chuyến để chở hết $60 m^3$ cát (biết rằng số cát trên mỗi chuyến là bằng mặt thùng xe để tránh thất thoát).

Câu 20. (1,25 điểm)

Cho đường thẳng xy cắt mn tại A .

- Kể tên các cặp góc đối đỉnh.
- Kể tên các cặp góc kề bù.
- Dùng dụng cụ học tập để vẽ tia phân giác At của góc $\widehat{xAn}$

-----**HẾT**-----

Ghi chú: Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên của thí sinh.....Số báo danh.....

Chữ ký của cán bộ coi thi 1..... Chữ ký của cán bộ coi thi 2.....

MÔN: TOÁN – KHỐI 7

PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm) Mỗi câu đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Mã đề 711	D	A	B	C	C	D	C	A	D	B	A	B	B	C	D	D
Mã đề 712	D	B	B	C	B	C	D	A	C	A	A	D	D	C	B	C

II. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu	Lời giải	Điểm
17 a <i>(0,5 điểm)</i>	a) $\frac{5}{11} + \frac{-2}{5} + \frac{21}{17} + \frac{6}{11} + \frac{-3}{5}$ $= \left(\frac{5}{11} + \frac{6}{11} \right) + \left(\frac{-2}{5} + \frac{-3}{5} \right) + \frac{21}{17}$ $= 1 + (-1) + \frac{21}{17}$ $= \frac{21}{17}$	0,25 0,25
b <i>(0,5 điểm)</i>	b) $12,5 + \left[\left(\frac{-2}{3} \right)^2 - 12,5 \right]$ $= 12,5 + \left[\frac{4}{9} - 12,5 \right]$ $= 12,5 + \frac{4}{9} - 12,5$ $= \left(12,5 - 12,5 \right) + \frac{4}{9}$ $= \frac{4}{9}$	0, 25 0,25
c <i>(0,75 điểm)</i>	c) $\frac{11}{18} \cdot \frac{2}{7} + \frac{11}{18} \cdot \frac{19}{7} - \frac{11}{18}$ $= \frac{11}{18} \left(\frac{2}{7} + \frac{19}{7} - 1 \right)$ $= \frac{11}{18} \cdot 2 = \frac{11}{9}$	0,25 0,25 0,25
18a <i>(0, 5 điểm)</i>	a) $5x - \frac{2}{9} = \frac{16}{9}$ $5x = \frac{16}{9} + \frac{2}{9}$	0,25

